

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 519/2024/DS-ST

Ngày: 02/8/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 đã xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1240/2024/TLST-DS ngày
12/12/2023 về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 9316/2024/QĐXXST-DS ngày 12/6/2024 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 10985/2024/QĐST-DS ngày 08/7/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Địa chỉ: B N, phường B, Quận A, Tp ..

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc N, sinh năm
1985;

Địa chỉ liên hệ: A P, Phường C, quận P, Tp ..

(Theo Giấy ủy quyền số 33.NGA/2023/GUQ-HDB076 ngày 07/9/2023).

- Bị đơn: Ông Đoàn Nguyễn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: 2 N, Phường N, Quận A, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà
Tạ Thị Ngọc N là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP
Phát triển Thành phố H trình bày:

Ngày 07/01/2022, ông Đoàn Nguyễn H (sau đây gọi là Bị đơn) có Giấy đề
nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng yêu cầu được Ngân

hàng TMCP Phát triển Thành phố H (sau đây gọi là Nguyên đơn) cấp tín dụng tiêu dùng với hạn mức đề xuất là 100.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ thông tin và thu nhập do Bị đơn cung cấp, Nguyên đơn đã đồng ý cấp tín dụng cho Bị đơn thông qua hình thức cấp thẻ, cụ thể như sau:

Loại thẻ: Master Card; Số thẻ: 5151311111643406; Số tài khoản thẻ: 919253441271; Hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng; Thời hạn cấp hạn mức: 36 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Phương thức bảo đảm cấp thẻ: Tín chấp.

Bị đơn bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 12/01/2022 và thanh toán đúng hạn trong 06 sao kê liên tiếp. Từ tháng 6/2022, Nguyên đơn nâng hạn mức thẻ lên mức 133.000.000 đồng.

Từ ngày 03/6/2022 đến ngày 08/6/2022, Bị đơn đã sử dụng hết hạn mức thẻ. Tuy nhiên, từ kỳ sao kê tháng 7/2022 Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và nợ số tiền gốc là 132.998.207 đồng.

Từ ngày 01/10/2022, Nguyên đơn đã thực hiện ngưng quyền sử dụng thẻ tạm thời của Bị đơn theo quy định tại điểm 16.6 Điều 16 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng H1 do Bị đơn không thanh toán dư nợ gốc và/hoặc số tiền thanh toán tối thiểu thẻ tín dụng liên tục 60 ngày.

Từ ngày 03/6/2023, Nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ đối với dư nợ gốc của Bị đơn số tiền 132.998.207 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Bị đơn không có thiện chí chi trả. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn một lần số tiền tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 316.236.453 đồng (bao gồm nợ gốc: 132.998.207 đồng; nợ lãi: 84.644.056 đồng; Các loại phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức, phí thường niên là 98.594.190 đồng). Tiền lãi tiếp tục phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi Bị đơn thanh toán hết các khoản nợ cho Nguyên đơn.

Ngày 15/3/2024, bà Tạ Thị Ngọc N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn - ông Đoàn Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại Bản tự khai ngày 28/3/2024 ông Đoàn Nguyễn H trình bày trình bày:

Ông xác nhận ngày 07/01/2022, ông có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Nguyên đơn với hạn mức sử dụng thẻ là 100.000.000 đồng/tháng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, ông sẽ nộp bản trình bày ý kiến về số tiền nợ và phương án trả nợ vào ngày 02/4/2024.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải*

quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Đoàn Nguyễn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 316.236.453 đồng (bao gồm nợ gốc: 132.998.207 đồng; nợ lãi: 84.644.056 đồng; phí chậm thanh toán: 79.322.915 đồng; phí vượt hạn mức: 18.931.275 đồng; phí thường niên: 440.000 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đoàn Nguyễn H có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 03/8/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/01/2022 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại 2 N, Phường N, Quận A, Tp . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giấy ủy quyền số 33.NGA/2023/GUQ-HDB076 ngày 07/9/2023 của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H ủy quyền cho bà Tạ Thị Ngọc N tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên bà N có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bà Tạ Thị Ngọc N, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2

Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập Bị đơn tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi của Nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc với số tiền 132.998.207 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP P có cơ sở xác định Bị đơn có ký với Nguyên đơn hợp đồng tín dụng và được Nguyên đơn cấp Thẻ tín dụng, loại thẻ: Master Card; Số thẻ: 5151311111643406; Số tài khoản thẻ: 919253441271; Hạn mức tín dụng: 100.000.000 đồng và sau đó tháng 6/2022 được nâng hạn mức thẻ lên mức 133.000.000 đồng.

Xét thấy, tại bản sao kê ngày 02/8/2024 của Ngân hàng TMCP P cho thấy đến ngày 02/8/2024, Bị đơn còn nợ số tiền gốc là 132.998.207 đồng.

Tại điểm 16.6 Điều 16 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên thỏa thuận như sau: *Sau 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ chưa được thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán đầy đủ số tiền tối thiểu này, HI sẽ xem xét việc chấm dứt sử dụng thẻ và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ.*

Kể từ kỳ sao kê tháng 7/2022, Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến nay là đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn trả số tiền nợ gốc là 132.998.207 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi của Nguyên đơn về yêu cầu trả nợ lãi với số tiền là 84.644.056 đồng và các loại phí là 98.594.190 đồng:

Tại Điều 4 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các đương sự thỏa thuận: *Số dư thực tế được sử dụng để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà chủ thẻ còn phải trả cho HI. Lãi suất quá hạn được tính là 150% lãi suất trong hạn.*

Căn cứ vào giao dịch mà chủ thẻ đăng ký và sử dụng, HI được quyền ghi nợ và thu phí theo biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của HI ban hành tùy từng thời điểm.

Biểu lãi suất thẻ tín dụng và Biểu phí và dịch vụ thẻ tín dụng sẽ được thay đổi theo quy định

Sự thỏa thuận của đương sự về lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có*

quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Xét thấy, cách tính các loại phí được các bên thỏa thuận tại Điều 14 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư 16/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đối với yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 84.644.056 đồng và các loại phí là 98.594.190 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 03/8/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư 16/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Buộc ông Đoàn Nguyễn H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/8/2024 là 316.236.453 đồng (Bao gồm nợ gốc: 132.998.207 đồng; nợ lãi: 84.644.056 đồng; phí chậm thanh toán: 79.322.915 đồng; phí vượt hạn mức: 18.931.275 đồng; phí thường niên: 440.000 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Đoàn Nguyễn H có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ còn phải thi hành kể từ ngày 03/8/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/01/2022 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.811.823 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm mười một nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 6.581.490 đồng (*Sáu triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0045028 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan